TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 26/2022/DS-GĐT
Ngày 23/6/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý và hứa thưởng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết - Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý và hứa thưởng"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty luật TNHH D.

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 14, tòa nhà VIMECO, lô E9, đường P, phường T, quận G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh L - Chức vụ: Giám đốc

2. Bị đơn: ông Nguyễn Khắc T; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh N.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị L; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày*: Ngày 21/04/2014, Công ty Luật TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty Luật) và ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D để Luật sư Công ty Luật hỗ trợ pháp lý cho ông T, bà L, trong quá trình giải quyết tranh chấp đền bù tái định cư tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đ và diện tích đất tại lô C2 tiểu khu 300. Trong các điều khoản hợp đồng có quy định về phần phí và thù lao Luật sư như sau:

"Điều 4: Phí dịch vụ, thù lao luật sư.

4.1 Phí dịch vụ và thù lao luật sư thực hiện các công việc tại Điều 1 của Hợp đồng này là 20.000.000 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng Việt Nam)

Phí này được chuyển giao thành các đợt như sau:

Đợt 1: Bên A có nghĩa vụ thanh toán 20.000.000đ ngay khi các bên ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, vì tình hình kinh tế khó khăn bên A chuyển giao trước 10.000.000đ cho bên B ngay khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Đợt 2: Số tiền 10.000.000đ bên A có trách nhiệm thanh toán thêm khi bên A được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Phí và thù lao trên được chuyển giao ngay sau khi Hợp đồng này được ký kết và theo tiến độ thoả thuận mà không hoàn trả lại với bất kỳ lý do gì.

4.2 Ngoài ra, phí dịch vụ và thù lao luật sư được xác định thêm cho bên B trong các trường hợp cụ thể sau:

Trường hợp đàm phán, hoà giải thành công, hoặc tiến hành khiếu nại, khởi kiện công nhận quyền và lợi ích hợp pháp của bên A bằng biên bản làm việc, quyết định, bản án của các cấp có thẩm quyền giải quyết, bên A nhận được tiền hoặc tài sản bồi thường hỗ trợ (Bất động sản hoặc tiền mặt). Bên B được thưởng thêm 50% giá trị tiền bồi thường (Theo giá trị thời điểm có bản án, quyết định, biên bản làm việc) mà bên A được thụ hưởng.

Số tiền 10.000.000đ và chi phí phát sinh sẽ được bên B khấu trừ vào giá trị phí thành công mà bên A nhận được từ cơ quan có thẩm quyền".

Trong quá trình giải quyết vụ việc, theo yêu cầu nhận đất tái định cư của ông T, trong bản khai tại trụ sở văn phòng Công ty luật TNHH Luật D chúng tôi đã nhiều lần bay vào làm việc với UBND huyện K để yêu cầu cấp đất tái định cư cho gia đình ông T. Công ty đã tự bỏ chi phí công tác của luật sư trong quá trình giải quyết vụ việc cho gia đình ông T. Sau 04 năm có Luật sư của công ty đồng hành, gia đình ông T đã nhận được đất tái định cư tại thôn 6, xã C, huyện K thể hiện tại GCNQSD đất số BQ 830995 do UBND huyện K cấp ngày 14/09/2018 tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7m^2.

Ngoài ra Luật sư công ty chúng tôi đã hỗ trợ các thủ tục khởi kiện hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Đ yêu cầu tuyên bố hành vi tháo dỡ nhà ở, tài sản trên đất của UBND xã C và UBND huyện K là trái pháp luật; đồng thời yêu cầu được đền bù giá trị đất và tài sản gắn liền với đất bị tháo dỡ là 642.968.000đ. Dù nhận thấy yêu cầu khởi kiện không đủ cơ sở nhưng theo mong muốn của ông Nguyễn Khắc T chúng tôi vẫn hỗ trợ đến cùng. Tuy nhiên, ngày 31/5/2019 Toà án nhân dân tỉnh Đ đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, chúng tôi đã hoàn thành công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết với ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L. Tuy nhiên, ông T không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thanh toán chi phí và thù lao cho công ty Luật D.

Ngày 21/09/2018, Luật sư công ty Luật và ông T đã làm biên bản xác nhận công việc, trong biên bản nêu rõ: "Thoả thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, ông Nguyễn

Khắc T cùng gia đình có nghĩa vụ chuyển nhượng cho Công ty Luật D ½ thửa đất hoặc thanh toán cho Công ty ½ giá trị đất theo giá thị trường. Công ty luật đề nghị ông chuyển nhượng hoặc thanh toán cho công ty ½ thửa đất hoặc giá trị đất nêu trên trong vòng 30 ngày kể từ ngày ông T nhận được sổ đỏ". Cho đến nay, Công ty đã nhiêu lần liên hệ yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ, thù lao như cam kết. Gần đây nhất chúng tôi đã gửi công văn số 12/CV-D, ngày 13/01/2020 cho ông T nhưng ông T vẫn chây ỳ không chịu thanh toán theo như thoả thuận tại hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D. Vì vậy, Công ty Luật TNHH D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết: Buộc ông Nguyễn Khắc T phải chuyển nhượng ½ diện tích thửa đất hoặc thanh toán ½ giá trị thửa đất theo giá thị trường tại thời điểm Toà án nhân dân huyện K định giá tài sản đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ 172, diện tích 256,7 m^2, địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ830995 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2018.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Khắc T trình bày:* Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH luật D. Ông T thừa nhận vào ngày 21/4/2014, ông có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D để luật sư công ty luật D hỗ trợ pháp lý cho ông trong quá trình giải quyết tranh chấp đền bù tái định cư tại thôn N xã C, huyện K, tỉnh Đ và diện tích đất tại lô C2 tiểu khu 300 và các điều khoản về thù lao luật sư như trong hợp đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết, hỗ trợ pháp lý cho gia đình ông, công ty Luật TNHH Đ chưa làm đúng như trong cam kết, cụ thể:

Đối với các nội dung mà ông yêu cầu phía công ty Luật mới chỉ gọi là trợ trợ giúp ông việc đi lại làm thủ tục khiếu nại các cấp để được cấp đất tái định cư, khi UBND huyện K cấp đất tái định cư cho gia đình ông thì gia đình ông vẫn phải đóng tiền sử dụng đất với số tiền 266.968.000đ, như vậy về mặt pháp lý là phía công ty chưa hoàn thành nghĩa vụ, vì ông vẫn phải đóng tiền sử dụng đất, số tiền trên là quá nhiều so với điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông trong khi đất được giao là đất tái định cư và được nhà nước hỗ trợ. Còn đối với khiếu kiện hành chính UBND xã C, UBND huyện K khi tháo dỡ nhà ở tài sản trên đất tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đ, thuộc Lô C2, tiểu khu 300 nhưng không bồi thường tài sản khi tháo dỡ thì phía công ty Luật chưa hoàn thành vì Toà án nhân dân tỉnh Đ đã có Quyết định đình chỉ vụ kiện theo Quyết định đình chỉ số 15/2019/QĐST-HC ngày 31/5/2019. Sau đó ông có kháng cáo quyết định trên nhưng phía công ty Luật không tham gia giải quyết tại Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Như vậy, khối lượng công việc mà phía công ty Luật hỗ trợ chỉ hoàn thành một phần nhỏ trong các nội dung tôi yêu cầu hỗ trợ. Do phía công ty Luật chưa hoàn thành các nội dung đã cam kết trong hợp đồng pháo lý và giấy ủy quyền nên ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền chi phí là 20.000.000 đồng đã thoả thuận, khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng ông đã thanh toán thì ông T sẽ thanh toán tiếp 10.000.000 đồng còn lại. Ngoài ra, ông T không đồng ý thanh toán gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan là quan bà Bùi Thị L trình bày:* Việc ông T chồng bà ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý và ủy quyền cho công ty

luật TNHH D là sự thật (tất cả hồ sơ đã gửi cho công ty Luật). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty luật TNHH D không làm đúng nội dung yêu cầu nên việc Công ty Luật TNHH D khởi kiện ông Nguyễn Khắc T là không có cơ sở. Do khoảng cách địa lý xa xôi, kinh tế khó khăn nên bà L ủy quyền cho ông T thay mặt bà tham gia tố tụng, mọi ý kiến của ông T cũng là ý kiến của bà L.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số **14/2021/DS-ST ngày 07/5/2021**, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ quyết định:

Căn cứ: Điều 26, 35, 39 và điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 468, các điều 513, 515, 519, 570, 572 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Khắc T phải trả cho Công ty Luật TNHH D số tiền là 240.387.000đ (Hai trăm bốn mươi triện ba trăm tám mươi bảy nghìn).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 12/5/2021, bị đơn ông Nguyễn Khắc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 14/5/2021, nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông T phải thanh toán cho Công ty TNHH D giá trị ½ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7m^2 tại xã C, huyện K tỉnh Đ theo biên bản định giá ngày 17/8/2019 tương đương với 400.000.000đ và lãi suất chậm trả.

Ngày 08/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 604/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/6/2021 với nội dung: cấp sơ thẩm không xem xét đến nghĩa vụ thuế mà Công ty phải chịu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T; khấu trừ 10.000.000đ tiền chi phí dịch vụ cho công ty là không đúng; tính sai lãi suất ông T phải chịu; không giải quyết triệt để vụ án, tuyên án chưa rõ ràng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đã tuyên.

* Tại Bản án dân sự phúc thẩm số **186/2021/DS-PT ngày 21/10/2021**, Tòa án nhân dân **tỉnh Đ** quyết định:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguvễn Khắc T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D.

Buộc ông Nguyễn Khắc T phải trả cho Công ty Luật TNHH D số tiền 169.850,561đ (Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn năm trăm sáu mốt đồng).

Buộc Công ty Luật TNHH D phải trả cho ông Nguyễn Khắc T 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu (đều là bản gốc) mang tên ông Nguyễn Khắc T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D đối với số tiền 230.149.439đ

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 04/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn của ông Nguyễn Khắc T, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 38/QĐ-VKS-DS ngày 16/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa Bản án dân sự phúc thẩm số 186/2021/DS-PT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ theo hướng xác định lại số tiền lãi chậm trả mà ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Luật TNHH D theo đúng quy định.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần kháng nghị, không buộc bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ cùng ông Nguyễn Khắc T thanh toán tiền cho Công ty Luật TNHH D, đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần xác định lại số tiền lãi chậm trả mà ông Nguyễn Khắc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Luật TNHH D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Ngày 21/4/2014, vợ chồng ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L ký *Hợp đồng dịch vụ pháp lý* số 2104/2014/HĐ-D (tắt là Công ty Luật) với Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D, mục đích thuê Công ty hỗ trợ pháp lý, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông T tại các cấp có thẩm quyền liên quan đến tranh chấp đất đai tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đ và diện tích đất tại lô

C2 tiểu khu 300. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được công nhận. Tại thời điểm ký hợp đồng nêu trên, vợ chồng ông T chưa được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất tái định cư số 76, tờ bản đồ số 172 tại Thôn 6, xã C, huyện K. Nhờ sự trợ giúp pháp lý của Công ty Luật nên ngày 14/9/2018, UBND huyện K đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7m^2 tại thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 830995.

Căn cứ vào khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D, Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử buộc ông Nguyễn Khắc T phải thanh toán ½ giá trị thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7m^2 tại Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đ theo giá trị tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (400.000.000/2=200.000.000 đồng) và số tiền phí 10.000.000 còn lại cho Công ty Luật TNHH D.

Tuy nhiên, tại *Biên bản làm việc* ngày 21/9/2018 (bl 44, 45), Công ty Luật TNHH D và ông Nguyễn Khắc T đã thỏa thuận *" ...Đối với phần nợ tiền sử dụng đất 266.968.000 đồng mỗi bên phải chịu một nửa tiền.,.* Như vậy, Công ty Luật TNHH D phải trả cho ông Nguyễn Khắc T ½ số tiền mà ông T phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cụ thể số tiền là 266.968.000 đồng : 2 = 133.484.000 đồng. Do đó, số tiền mà ông T còn phải trả cho Công ty Luật TNHH D là 210.000.000 - 133.484.000 = 76.516.000 đồng.

Đồng thời, tại *Biên bản làm việc* ngày 21/9/2018 (bl 44, 45), Công ty Luật và ông Nguyễn Khắc T cũng đã thỏa thuận về thời hạn thanh toán là "*30 ngày kể từ ngày ông T nhận được sổ đỏ (ngày nhận vào 21/9/2018)"* tức là thời hạn thanh toán được tính từ ngày 22/10/2018.

[2] Về lãi suất chậm trả: Tại Điều 5 của *Hợp đồng dịch vụ pháp lý* số 2104/2014/HĐ-DRAGON các bên thỏa thuận: *"quá thời hạn mà bên A chưa thanh toán thì bên B có quyền tính lãi quá hạn theo lãi suất của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietconbak) công bố tại thời điểm thanh toán"*. Do ông T chưa trả cho Công ty Luật số tiền 76.516.000 đồng nên cần phải buộc ông T trả tiền lãi suất chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng đối với số tiền 76.516.000 đồng, thời gian tính lãi kể từ ngày 22/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/5/2021).

Bản án phúc thẩm buộc ông Nguyễn Khắc T phải thanh toán lãi suất chậm trả cho Công ty Luật TNHH D trên tổng số tiền 210.000.000 đồng sau đó mới khấu trừ tiền sử dụng đất 133.484.000 đồng là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Khắc T.

Tại Công văn số 547/CV-ĐLA-KT ngày 23/7/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đ cung cấp cho Tòa án, xác định: Lãi suất trong hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân từ tháng 10/2018 đến ngày 04/10/2020 là 12%/năm; Lãi suất trong hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân từ ngày

05/10/2020 đến nay là 11%/năm. Do đó, cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm về số tiền lãi suất chậm trả mà ông T phải thanh toán cho Công ty Luật được tính như sau:

+ Lãi suất từ ngày 22/10/2018 đến ngày 04/10/2020 là 712 ngày = (76.516.000đ x 150% x 12% x 712 ngày) : 365 ngày = 26.866.549 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 05/10/2020 đến ngày 07/5/2021 là 212 ngày = (76.516.000đ x 150% x 11% x 212 ngày) : 365 ngày = 7.332.958 đồng.

Tổng số tiền lãi là 26.866.549 đồng + 7.332.958 đồng = 34.199.507 đồng.

Tổng cộng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 76.516.000 đồng + 34.199.507 đồng = 110.715.507 đồng.

Ngoài ra, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nhận định: Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D ngày 21/4/2014 được vợ chồng ông Nguyễn Khắc T và bà Bùi Thị L ký kết với Công ty Luật TNHH D. Ngày 14/9/2018, vợ chồng ông T, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ830995 đứng tên cả hai người. Do đó, cả ông T và bà L đều phải có nghĩa vụ đối Công ty Luật TNHH D nhưng Bản án phúc thẩm chỉ buộc ông Nguyễn Khắc T phải trả tiền cho Công ty mà không buộc bà Bùi Thị L phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho Công ty là không đúng pháp luật, có thể gây khó khăn cho công tác thi hành án. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Luật TNHH D. Tuy nhiên, tại phiên tòa giám đốc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét thấy tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty Luật chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Khắc T phải chuyển nhượng ½ diện tích thửa đất hoặc thanh toán ½ giá trị thửa đất theo giá thị trường tại thời điểm Toà án nhân dân huyện K định giá tài sản đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ 172, diện tích 256,7 m^2, địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 830995 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2018 (không yêu cầu bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán), nên rút nội dung đề nghị này. Hội đồng xét xử cấp giám đốc thẩm xét thấy, đại điện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần nội dung kháng nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc phẩm nên căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tính lại án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

- Nguyên đơn Công ty Luật phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là (400.000.000đ - 110.715.507đ) x 5% = 14.464.224đ.

- Bị đơn ông Nguyễn Khắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 110.715.507đ x 5% = 5.535.775đ.

Do Hội đồng xét xử cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343, Điều 347, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, **sửa một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 186/2021/DS-PT ngày 21/10/2021** của Tòa án nhân dân tỉnh Đ về *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý và hứa thưởng"* giữa nguyên đơn là Công ty Luật TNHH D với bị đơn là ông Nguyễn Khắc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L.

Căn cứ khoản 5 Điều 343, Điều 347, Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 38/QĐ-VKS-DS ngày 16/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D.

Buộc ông Nguyễn Khắc T phải trả Công ty Luật TNHH D số tiền 110.715.507 đồng (một trăm mười triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D đối với số tiền 289.284.493 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty Luật TNHH D phải chịu 14.464.224 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006472 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ thì Công ty Luật TNHH D phải nộp thêm 14.164.224 đồng.

- Ông Nguyễn Khắc T phải chịu 5.535.775 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Luật TNHH D và ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Công ty Luật TNHH D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003593 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ. Ông Nguyễn Khắc T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003594 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

[4] Các quyết định khác của Bản án dân sự phúc thẩm số 186/2021/DS-PT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật thi hành.

[5] Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào